

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 647/2024/HC-PT

Ngày: 04 - 12 - 2024

*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 382/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2024/HC-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12775/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa:

* ***Người khởi kiện:*** Bà Đào Thị Hồng V, sinh năm 1962, có mặt;

Nơi cư trú: Số H đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

* ***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố Hải Phòng;

Địa chỉ: Số A phố H, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh Q, chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố H, (theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 17/01/2024), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố H:

- Ông Phạm Văn T - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H; vắng mặt.

- Ông Lê C - Phó Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà Vũ Thị H - Phó trưởng ban Ban Tiếp công dân thành phố Hải Phòng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Đặng Thị H1, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Hoàng Hải N - Phó Trưởng phòng, Phòng T7, Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Trần Văn H2 - Chuyên viên, Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Lê Văn Q1 - Chuyên viên Ban Tiếp công dân thành phố Hải Phòng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần P, Phó Chủ tịch UBND phường Đ, quận N, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H3, chuyên viên Phòng Kinh tế - Định giá đất, Sở T, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

Cùng địa chỉ trụ sở: Lô B, khu đô thị M Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (theo văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 29/01/2024), vắng mặt;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Quang T1, sinh năm 1968, vắng mặt;

Nơi cư trú: Số C đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Đào Thị Kim H4, sinh năm 1964, vắng mặt;

Nơi cư trú: Số C đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà H4: Ông Phạm Hoàng H5, Luật sư Công ty L2 và Cộng sự, thuộc đoàn luật sư thành phố H, vắng mặt;

Địa chỉ: Biệt thự E, khu A, khu đô thị N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2023).

3. Anh Đào Quang T2, sinh năm 1998, vắng mặt;

Địa chỉ: Số A đường P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng.

4. Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1991, vắng mặt;

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố A, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

5. Chị Nguyễn Giáng H6, sinh năm 1994, vắng mặt;

Địa chỉ: Số D đường T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng.

6. Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1996, vắng mặt;

Địa chỉ: Số A đường Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng.

* *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị Hồng V, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/9/2022 UBND quận N ban hành Quyết định số: 2308/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2308) về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 42 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ tại phường Đ, quận N; trong đó có hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4. Không đồng ý với việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nên gia đình bà V đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND quận N Ngày 22/9/2022 Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số: 3287/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 3287) về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V (lần 1). Theo đó, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của gia đình bà V; không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận N, gia đình bà V tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H. Ngày 18/8/2023 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2507/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2507) về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V (lần 2). Không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà Đào Thị Hồng V đã có đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là bà V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Quang T1 và bà Đào Thị Kim H4 trình bày:

Hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V, ông Đào Quang T1 và bà Đào Thị Kim H4 có thửa đất diện tích 105m² giáp bờ mương Xóm Trại (nay là đường B), phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc thửa đất trước năm 1986 là đất nông nghiệp, một phần thửa đất trước năm 1990 ông Vũ Văn B, vợ là Phạm Thị T3 đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất để sinh sống sau đó chuyển nhượng lại nhà, đất cho bà Nguyễn Thị P1; một phần thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Duy Đ, bà Đào Thị T4 sử dụng trồng cây trên đất. Đến năm 1990, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Duy Đ, bà Đào Thị T4 chuyển nhượng lại cho cụ Đào T5 và cụ Đào Thị Q2 (bố mẹ bà V, ông T1, bà H4); việc giao dịch bằng miệng, không có giấy tờ; cụ T5, cụ Q2 đã thanh toán đủ tiền cho những người này và sau này mới viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà trên đất viết tay. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình cụ T5, cụ Q2

đã về đây sinh sống ổn định, không tranh chấp, có xác nhận của UBND phường Đ. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông bà có xây, sửa, coi nói lại nhà để phục vụ cho nhu cầu ăn ở.

Đối với thửa đất diện tích 105m² nhà bà V, ông T1, bà H4 bị thu hồi do bố mẹ ông bà nhận chuyển nhượng lại từ bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Duy Đ, bà Đào Thị T4, gồm có: 01 ngôi nhà trên đất và công trình, cây cối. Việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc; gia đình bà V, ông T1, bà H4 đã thanh toán đầy đủ tiền cho những người chuyển nhượng.

Gia đình bà V, ông T1, bà H4 đã sinh sống trên đất từ năm 1990 đến khi bị thu hồi đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Do thời gian quá lâu nên không có hình ảnh chứng minh nhà ở được xây dựng trước năm 1993, nhưng việc sinh sống trước năm 1993 của hộ gia đình bà V, ông T1, bà H4 đã được UBND phường Đ xác nhận, việc sử dụng đất vào mục đích để ở còn được thể hiện bằng Biên lai nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 22/5/1993, người nộp thuế là ông Vũ Văn B và được Hợp tác xã (viết tắt là HTX) xác nhận đất trên không thuộc đất nông nghiệp của HTX. Ngoài ra, lịch sử sử dụng, biến động về đất này có sự xác nhận của ông Phạm Đình C1, ông Phạm Đức S là người dân sinh sống gần hộ gia đình cụ Đào T5, cụ Đào Thị Q2 và xác nhận của ông Nguyễn Đức H7 nguyên trưởng khu dân cư Xóm Trại. Do đó, thửa đất của hộ gia đình bà V, ông T1, bà H4 đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất và công nhận là đất ở theo quy định.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở; Điều 74, 75 Luật đất đai 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường, điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, trường hợp của hộ gia đình bà V, ông T1, bà H4 đủ điều kiện được bồi thường, đồng thời phần diện tích đất của hộ gia đình bà V, ông T1, bà H4 đủ điều kiện được công nhận là đất ở nên khi nhà nước thu hồi phải xác định đất của gia đình bà V, ông T1, bà H4 là đất ở để bồi thường và bồi thường cả phần tài sản trên đất. Ngoài ra, gia đình bà V, ông T1, bà H4 có nhiều thế hệ sống trên đất, có 03 gia đình cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nên khi thu hồi phải được xem xét cấp 03 suất tái định cư để đảm bảo cuộc sống cho ông bà.

Căn cứ khoản 2, Điều 6 quy định về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai, gia đình bà V, ông T1, bà H4 phải được bồi thường về đất với đơn giá bằng 50% đơn giá đất ở (x) 95,9m², nhưng khi thu hồi UBND quận N đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên bà Đào Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 2507/QĐ-

UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V;

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 3287/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V;

- Hủy một phần Quyết định số: 2308/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 42 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ tại phường Đ, quận N liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4.

- Buộc UBND quận N, thành phố Hải Phòng bồi thường cho hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 về đất theo giá đất ở, bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ tiền ổn định đời sống, nghề nghiệp, chi phí di dời tài sản và 03 suất tái định cư theo quy định pháp luật.

Người bị kiện là UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Theo Bản đồ và sổ mục kê ruộng đất của phường Đ năm 1986 thể hiện vị trí thửa đất thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V thuộc Tờ bản đồ số 1, tại các thửa: Thửa số 1108, diện tích 550m², loại đất: 2 lúa, tên chủ sử dụng: Phụ canh Đăng Lâm và thửa số 1016, diện tích 1.410m², loại đất: 2 lúa, tên chủ sử dụng: Phụ canh Đăng Lâm. Theo bản đồ địa chính phường Đ lập năm 1998 thể hiện: Vị trí thửa đất thu hồi của hộ gia đình bà V đang sử dụng thuộc xã Đ, huyện A (nay là phường Đ, quận H), giáp với tờ Bản đồ địa chính phường Đ số 33. Theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất lập tháng 5/2022, vị trí đất thu hồi của bà V thuộc thửa số 13, diện tích 101m², trong đó 95,9m² nằm trong chỉ giới thu hồi đất thuộc địa giới phường Đ, quận N và 5,1m² nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất thuộc phường Đ, quận H.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V: Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ do UBND phường Đ báo cáo được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận thẩm định trình UBND quận xác nhận làm cơ sở lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Theo kết quả thẩm định, hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V, ông Đào Quang T1 (em trai bà V), bà Đào Thị Kim H4 (em gái bà V) đủ điều kiện bồi thường về đất nông nghiệp đối với diện tích 95,9 m². Căn cứ vào các quy định sau: Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân [...] 2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai 2013 quy định: “ 1. Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: [...] b) Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.”

Đất thu hồi của hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 có nguồn gốc là đất nông nghiệp, đủ điều kiện được bồi thường, do vậy giá đất nông nghiệp được áp dụng theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND thành phố H về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2022, giá đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm khác cụ thể là: 130.000 đồng/m².

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Nguồn gốc đất của hộ gia đình là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, do đó không đủ điều kiện giao đất tái định cư. Tuy nhiên, xét điều kiện ăn ở thực tế của người dân tại nơi có đất thu hồi và việc không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường Đ, UBND phường đã họp xét và đề xuất UBND quận giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân, được Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND quận theo quy định.

Như vậy, UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 là đảm bảo quy định của pháp luật. Theo đó, hộ ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 được bồi thường như sau: Bồi thường về đất: 12.467.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển: 5.000.000 đồng; cây cối, hoa màu: 6.600.000 đồng; về tái định cư: Hộ ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 đủ điều kiện giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

- Đối với đề nghị được bồi thường về đất ở: Người khởi kiện cung cấp Đơn đề nghị phân chia quyền sử dụng nhà đất cho con đẻ của bà Đào Thị Q2 có xác nhận của UBND phường Đ (ông Dương Thăng L - Phó Chủ tịch UBND phường Đ ký) với nội dung bà Đào Thị Q2 cùng các con cháu sinh sống tại khu vực bờ mương xóm Trại từ thời điểm trước năm 1993. Tuy nhiên, giấy tờ nêu trên mâu thuẫn với các hồ sơ, tài liệu khác nên UBND quận N không bồi thường về đất ở khi thu hồi đất đối với hộ bà Đào Thị Hồng V vì những lý do sau:

Thứ nhất: Theo tài liệu người khởi kiện cung cấp thể hiện quá trình quản lý, sử dụng đất như sau: Ngày 05/4/1995, ông Vũ Văn B, vợ Phạm Thị T3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị P1 01 thửa đất (ghi diện tích là 55m²) tại xóm T, phường Đ. Đến ngày 29/3/1996, bà P1 chuyển nhượng lại cho ông Đào T5, bà Đào Thị Q2 (là bố, mẹ của bà Đào Thị Hồng V). Như vậy, thời điểm bắt đầu sử dụng đất của bà Đào Thị Q2 là sau ngày 29/3/1996; không phải trước năm 1993.

Thứ hai: UBND phường Đ đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến của các đồng chí nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giai đoạn 1994-2009, Cán bộ địa chính và Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp phường, khẳng định: “- Biên lai do gia đình bà V cung cấp được xác định do ông Vũ Đình L1, cán bộ thống kê phường thu; thời điểm ghi trong Biên lai không phải thời điểm có nhà ở; - Trường hợp này không được cấp đất ở nên tiền thu theo biên lai không phải là tiền nộp vào ngân sách để chuyển đổi mục đích sử dụng đất; - Hệ thống bản đồ địa chính năm 1998 không lập thửa đất trên. Vì vậy, thời điểm hình thành nhà ở phải sau năm 1998”.

Như vậy, UBND Quận N căn cứ hồ sơ quản lý đất đai của địa phương, quá trình quản lý, sử dụng xác định diện tích 95,9m² đất thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình tự ý xây dựng nhà trên đất nông nghiệp (sau năm 1998, không phải trước năm 1993) chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đủ điều kiện bồi thường theo giá đất nông nghiệp, không được bồi thường tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Bà Đào Thị Hồng V cho rằng thửa đất của gia đình bà đã được sử dụng với mục đích làm nhà ở từ năm 1993, đề nghị được bồi thường diện tích đất thu hồi 95,9m² là đất ở là không có cơ sở.

- Đối với đề nghị được giao 03 suất đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Diện tích 95,9m² đất thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V có nguồn gốc là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, do đó không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tại thời điểm thu hồi đất, ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 đang sử dụng chung 01 thửa; ngoài ra 03 hộ gia đình trên không còn chỗ ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường Đ, Ủy ban nhân dân quận N xét giao cho ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Bà Đào Thị Hồng V đề nghị giao 03 suất đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở.

Từ những căn cứ và lý do nêu trên, UBND quận N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị Hồng V.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Liên quan đến nội dung, trình tự giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đào Thị Hồng V: Bà Đào Thị Hồng V có đơn khiếu nại ghi ngày 04/01/2023 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H khiếu nại Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND Quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, với nội dung: Đề nghị bồi thường diện tích đất thu hồi 95,9m² là đất ở; Đề nghị giao 03 suất đất tái định cư cho gia đình khi Nhà nước thu hồi đất. Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã thụ lý, giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V (lần hai), theo đó xác minh, kết luận:

Về việc đề nghị bồi thường diện tích đất thu hồi 95,9m² là đất ở:

- Về nguồn gốc đất: Theo Mảnh trích đo địa chính số TĐ13-2022 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần T8 đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 27/4/2022, bà Đào Thị Hồng V, ông Đào Quang T1 (em trai bà Đào Thị Hồng V), bà Đào Thị Kim H4 (em gái bà Đào Thị Hồng V) (sau đây gọi chung là hộ gia đình bà V) đang sử dụng thửa đất số 13 (địa chỉ: Xóm T, phường Đ, quận N), tổng diện tích là 101m², diện tích trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án là 95,9m² thuộc địa giới phường Đ, quận N; diện tích còn lại 5,1m² thuộc địa giới phường Đ, quận H.

Theo Hồ sơ quản lý đất đai đang lưu giữ tại UBND phường Đ: Theo Bản đồ và Sổ mục kê ruộng đất năm 1986 thể hiện, vị trí diện tích đất hộ gia đình bà V đang sử dụng (thửa số 13 Trích đo địa chính) thuộc một phần của 02 thửa, gồm: thửa số 1108, diện tích 550m², loại ruộng đất “2 lúa”, cột tên chủ sử dụng ghi là “Phụ canh Đàng Lâm” và thửa số 1016, diện tích 1.410m², loại ruộng đất “2 lúa”, cột tên chủ sử dụng ghi là “Phụ canh Đàng Lâm”.

Theo Bản đồ địa chính phường năm 1998, được Sở Địa chính (nay là Sở T) kiểm tra, phê duyệt tháng 01/1999, tại tờ bản đồ số 33, thể hiện: Vị trí thửa đất hộ gia đình bà V đang sử dụng thuộc xã Đ, huyện A (nay là phường Đ, quận H). Ngày 07/7/2022, Ủy ban nhân dân phường Đ có Văn bản số 137/UBND-ĐC về việc cung cấp thông tin thửa đất theo bản đồ địa chính phường Đ, thể hiện: Kiểm tra hồ sơ quản lý đất đai, bản đồ địa chính năm 1998 hiện đang lưu giữ tại phường Đ, cho thấy thửa đất số 13, theo Trích đo địa chính không thể hiện trên bản đồ địa chính phường Đ năm 1998, thửa đất này không thuộc địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý.

- Về quá trình quản lý, sử dụng đất:

Theo tài liệu người khiếu nại cung cấp thể hiện quá trình quản lý, sử dụng thửa đất của bà V như sau: Ngày 05/4/1995, ông Vũ Văn B, vợ Phạm Thị T3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị P1 01 thửa đất (ghi diện tích là 55m²) tại xóm T, phường Đ, Hợp tác xã) xác nhận tại Giấy tờ chuyển nhượng với nội dung: “*diện tích 55m² trên không thuộc diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Hợp tác xã*”. Đến ngày 29/3/1996, bà P1 chuyển nhượng lại cho ông Đào T5, bà Đào Thị Q2 (là bố, mẹ của bà Đào Thị Hồng V). Quá trình sử dụng, ông Đào T5

tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất của ông Nguyễn Duy Đ1 (giấy chuyển nhượng đề ngày 01/12/1997, ghi là 8m²) và của bà Nguyễn Thị T6 (Giấy chuyển nhượng đề ngày 26/7/2003, ghi là 4,5m²). Các giấy tờ về việc mua bán, chuyển nhượng nêu trên đều là giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình tự quản lý, tự sử dụng, tự chuyển nhượng diện tích đất giữa ông B, bà P1, ông Đ1, bà T6, ông T5 cho đến nay, không có ai bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt, xử lý hành chính. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Đ, tại thời điểm thu hồi đất, tổng diện tích hộ gia đình bà V sử dụng là 101m², diện tích trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án là 95,9m² thuộc địa giới phường Đ, Quận N; diện tích còn lại 5,1m² thuộc địa giới phường Đ, quận H. Người khiếu nại cung cấp 01 biên lai “*thu lệ phí sử dụng đất năm 1993*” đề ngày 22/5/1993, với nội dung: Nộp tiền lệ phí sử dụng đất năm 1993, diện tích 60m², người nộp: Vũ Văn B, địa chỉ xóm T. Ngoài ra, người khiếu nại không có giấy tờ, tài liệu nào khác chứng minh thời điểm sử dụng đất làm nhà ở, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong suốt quá trình sử dụng đất của gia đình.

Theo Báo cáo của UBND quận N (số 1136/UBND-TNMT ngày 06/4/2023) và UBND phường Đ (số 85/BC-UBND ngày 03/4/2023), UBND phường Đ đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến của các đồng chí nguyên là Chủ tịch UBND phường giai đoạn 1994 - 2009, Cán bộ địa chính và Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp phường, khẳng định: “- *Biên lai do gia đình bà V cung cấp được xác định do ông Vũ Đình L1, cán bộ thống kê phường thu; Thời điểm ghi trong Biên lai không phải thời điểm có nhà ở; - Trường hợp này không được cấp đất ở nên tiền thu theo biên lai không phải là tiền nộp vào ngân sách để chuyển đổi mục đích sử dụng đất; - Hệ thống bản đồ địa chính năm 1998 không lập thửa đất trên. Vì vậy, thời điểm hình thành nhà ở phải sau năm 1998*”.

Như vậy, UBND quận N căn cứ hồ sơ quản lý đất đai của địa phương, quá trình quản lý, sử dụng xác định diện tích 95,9m² đất thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình tự ý xây dựng nhà trên đất nông nghiệp (sau năm 1998) chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đủ điều kiện bồi thường theo giá đất nông nghiệp, không được bồi thường tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Bà Đào Thị Hồng V cho rằng thửa đất của gia đình bà đã được sử dụng với mục đích làm nhà ở từ năm 1993, đề nghị được bồi thường diện tích đất thu hồi 95,9m² là đất ở là không có cơ sở.

- Về việc đề nghị giao 03 suất đất tái định cư cho gia đình khi Nhà nước thu hồi đất: Diện tích 95,9m² đất thu hồi của hộ gia đình bà Đào Thị Hồng V có nguồn gốc là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, do đó, không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi đất, ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà

Đào Thị Kim H4 đang sử dụng chung 01 thửa. Sau khi thu hồi đất, hộ gia đình bà V không còn chỗ ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường Đ, UBND Quận N xét giao cho ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 03 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Bà Đào Thị Hồng V đề nghị giao 03 suất đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố H quyết định: công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Đào Thị Hồng V là đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên và căn cứ quy định pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố H đề nghị Tòa án xem xét: Bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị Hồng V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2024/HC-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ Điều 7; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 66; Điều 69; Điều 71; Điều 75; Điều 77; Điều 79; Điều 82; Điều 92; Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 27; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 36; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41 của Luật Khiếu nại;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Hồng V về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính, cụ thể:

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 2507/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V.

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 3287/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V.

- Một phần Quyết định số: 2308/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 42 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ tại phường Đ, quận N liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4.

- Buộc UBND Quận N, thành phố Hải Phòng bồi thường cho hộ gia đình ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Hồng V, bà Đào Thị Kim H4 về đất theo giá đất ở, bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ tiền ổn định đời sống, nghề nghiệp, chi phí di dời tài sản và 03 suất tái định cư theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo

quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2024, người khởi kiện là bà Đào Thị Hồng V có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đào Thị Hồng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bà Đào Thị Hồng V trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc UBND quận N lại phương án bồi thường cho gia đình bà theo loại đất ở và bố trí tái định cư theo đúng quy định; vì gia đình bà nhận chuyển nhượng từ năm 1996 và sử dụng vào mục đích đích để ở đến nay; nguồn gốc đất có từ lâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch UBND và UBND quận N, gồm: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 2507/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 3287/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại của bà Đào Thị Hồng V; Quyết định số: 2308/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND quận N, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 42 hộ gia đình (trong đó có gia đình bà V); buộc UBND quận N phê duyệt lại phương án bồi thường đất cho gia đình bà V theo loại đất ở. Đây là các quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính của Chủ tịch và UBND cấp tỉnh và cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 18/8/2023 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định 2507, đến ngày 20/9/2023, bà Đào Thị Hồng V nộp đơn

khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên đang còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

* *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bà Đào Thị Hồng V Thấy:

[3] Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi: Theo Mảnh trích đo địa chính số TĐ13-2022 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần T8 đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 27/4/2022, thì bà Đào Thị Hồng V, ông Đào Quang T1, bà Đào Thị Kim H4 đang sử dụng thửa đất số 13 (địa chỉ: Xóm T, phường Đ, quận N), tổng diện tích là 101m²; diện tích trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án là 95,9m² thuộc địa giới phường Đ, Quận N; diện tích còn lại 5,1m² thuộc địa giới phường Đ, quận H. Theo Bản đồ và Sổ mục kê ruộng đất năm 1986 thể hiện, vị trí diện tích đất hộ gia đình bà V đang sử dụng (thửa số 13 Trích đo địa chính) thuộc một phần của 02 thửa, gồm: thửa số 1108, diện tích 550m², loại ruộng đất “2 lúa”, cột tên chủ sử dụng ghi là “Phụ canh Đặng Lâm” và thửa số 1016, diện tích 1.410m², loại ruộng đất “2 lúa”, cột tên chủ sử dụng ghi là “Phụ canh Đặng Lâm”. Theo Bản đồ địa chính phường năm 1998, được Sở Địa chính (nay là Sở T) kiểm tra, phê duyệt tháng 01/1999, tại tờ bản đồ số 33, thể hiện: Vị trí thửa đất hộ gia đình bà V đang sử dụng thuộc xã Đ, huyện A (nay là phường Đ, quận H). Theo UBND phường Đ thì hồ sơ quản lý đất đai, bản đồ địa chính năm 1998 hiện đang lưu giữ tại phường Đ, cho thấy thửa đất số 13, theo Trích đo địa chính không thể hiện trên bản đồ địa chính phường Đ năm 1998, thửa đất này không thuộc địa giới hành chính của UBND phường Đ quản lý.

[4] Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Theo tài liệu có trong hồ sơ do người khởi kiện cung cấp thể hiện: Ngày 05/4/1995, ông Vũ Văn B, vợ Phạm Thị T3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị P1 01 thửa đất (ghi diện tích là 55m²) tại xóm T, phường Đ, Hợp tác xã) xác nhận tại Giấy tờ chuyển nhượng với nội dung: “*diện tích 55m² trên không thuộc diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Hợp tác xã*”. Đến ngày 29/3/1996, bà P1 chuyển nhượng lại cho ông Đào T5, bà Đào Thị Q2 (là bố, mẹ của bà Đào Thị Hồng V). Quá trình sử dụng, ông Đào T5 tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất của ông Nguyễn Duy Đ1 theo Giấy chuyển nhượng đề ngày 01/12/1997, ghi là 8m² và của bà Nguyễn Thị T6 theo Giấy chuyển nhượng đề ngày 26/7/2003, ghi là 4,5m². Các giấy tờ về việc mua bán, chuyển nhượng nêu trên đều là Giấy viết tay, không có

xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Phía người khởi kiện cung cấp biên lai “*thu lệ phí sử dụng đất năm 1993*” đề ngày 22/5/1993 có nội dung: Nộp tiền lệ phí sử dụng đất năm 1993, diện tích 60m², người nộp: Vũ Văn B, địa chỉ xóm T. UBND phường Đ đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến của các đồng chí nguyên là Chủ tịch UBND phường giai đoạn 1994 - 2009, cán bộ địa chính và Chủ nhiệm Hợp tác xã N2, khẳng định: “Biên lai do gia đình bà V cung cấp được xác định do ông Vũ Đình L1, cán bộ thống kê phường thu; thời điểm ghi trong biên lai không phải thời điểm có nhà ở; - Trường hợp này không được cấp đất ở nên tiền thu theo biên lai không phải là tiền nộp vào ngân sách để chuyển đổi mục đích sử dụng đất; - Hệ thống bản đồ địa chính năm 1998 không lập thửa đất trên. Vì vậy, thời điểm hình thành nhà ở phải sau năm 1998”. Mặc dù ngoài tài liệu trên thì người khởi kiện còn cung cấp là đơn đề nghị phân chia quyền sử dụng nhà đất cho con đẻ của bà Đào Thị Q2 có xác nhận của UBND phường Đ do ông Dương Thăng L - Phó Chủ tịch UBND phường Đ ký, với nội dung bà Đào Thị Q2 cùng các con cháu sinh sống tại khu vực bờ mương xóm Trại từ thời điểm trước năm 1993. Tuy nhiên, cũng theo tài liệu do người khởi kiện cung cấp lại thể hiện đến ngày 29/3/1996, bà P1 mới chuyển nhượng lại cho ông Đào T5, bà Đào Thị Q2, (là bố, mẹ của bà Đào Thị Hồng V), nên không đủ căn cứ khẳng định gia đình bà Đào Thị Q2 sử dụng đất trước thời điểm năm 1993. Do đó, với các chứng cứ tài liệu nêu trên chỉ đủ cơ sở xác định nguồn gốc là đất nông nghiệp, thời điểm hộ gia đình sử dụng đất làm nhà ở là sau năm 1998, chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng làm đất ở. Theo đó, việc UBND quận N xác định hộ gia đình bà V chỉ đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, không được bồi thường tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Từ đó không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư, nhưng UBND quận N đã vận dụng chính sách địa phương để giao cho gia đình bà V 01 suất đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là đã đảm bảo được quyền lợi cho người khởi kiện.

[5] Từ phân tích trên thấy rằng, việc UBND quận N ban hành Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà V là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013.

[6] Đối với Quyết định 3487 thấy: Do không đồng ý với việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, ngày 05/10/2022, bà Đào Thị Hồng V có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND quận N, khiếu nại Quyết định 2308. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND quận N đã tiến hành thụ lý, xác minh và tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định 3487 giải quyết khiếu nại (lần 1). Theo đó, như đã phân tích ở trên thì yêu cầu được bồi thường về đất ở của bà V không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND quận N đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà V là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với Quyết định 2507, thấy: Ngày 09/01/2023, Chủ tịch UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại lần hai của bà Đào Thị Hồng V. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố đã tiến hành thụ lý và thông báo bằng văn bản cho bà Đào Thị Hồng V biết đồng thời ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh. Ngày 07/02/2023, Thanh tra thành phố đã ban hành quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập đoàn xác minh khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, ngày 18/8/2023 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2507/QĐ-UBND. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà V1, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 3487 của Chủ tịch UBND quận N là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, bà Đào Thị Hồng V kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra Đào Thị Hồng V phải chịu án phí, nhưng bà V là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, bà đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà V theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là Đào Thị Hồng V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2024/HC-ST, ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đào Thị Hồng V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm